

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **296/2026/DS-PT**

Ngày: 26 - 5 - 2026

V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Y Phi Kbuôr

Các Thẩm phán: Ông Lê Trúc Lâm, bà Nguyễn Thị My My

Thư ký phiên toà: Bà Lại Thị Minh Hiền – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên toà: Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/TLPT-DS, ngày 05 tháng 02 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2025/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 7 - Đăk Lăk, bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 222/2026/QĐ-PT, ngày 03/4/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đào Văn V, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn D, xã M, tỉnh Đăk Lăk (trước đây là thôn D, xã K, huyện M'Đ, tỉnh Đăk Lăk), vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

+ Ông Trần Trọng H, sinh năm 1972; địa chỉ: số nhà A đường M, phường B, tỉnh Đăk Lăk.

Địa chỉ hiện nay: Số E đường Đ, phường B, tỉnh Đăk Lăk, có mặt.

+ Bà Trần Bá Lan V1, sinh năm 1999; địa chỉ: Buôn E, xã D, tỉnh Đăk Lăk (trước đây là Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đăk Lăk), vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H1; địa chỉ: Thôn A C, xã E, tỉnh Đăk Lăk (trước đây là thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đăk Lăk), vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Chu Thị L; địa chỉ: Thôn D X, xã E, tỉnh Đăk Lăk (trước đây là thôn D, xã X, huyện E, tỉnh Đăk Lăk), vắng mặt.

- **Người kháng cáo:** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Trọng H và bị đơn ông Nguyễn Văn H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn ông Trần Trọng H trình bày:*

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, ông Đào Văn V và ông Nguyễn Văn H1 có thoả thuận bằng miệng với nhau về việc ông V có đặt mua của ông H1 320 con heo giống (mỗi con trọng lượng khoảng 13 đến 14kg/1con) với tổng số tiền là 832.346.000 đồng nên ông V đã chuyển khoản trước cho ông H1 20.000.000đ tiền đặt cọc. Sau khi thoả thuận xong, ngày 23/10/2024 thì ông H1 gửi cho ông V số tài khoản 0363431785 – đứng tên bà Chu Thị L - Mở tại Ngân hàng TMCP Q và yêu cầu ông V chuyển tiền mua heo vào số tài khoản của bà Chu Thị L tổng số tiền là 797.346.000 đồng. Sau đó, ông V đã chuyển vào số tài khoản của bà L 2 lần: (lần 1 chuyển 31.000.000 đồng và lần 2 chuyển 766.346.000 đồng). Số tiền còn lại 15.000.000 đồng thì ông V đã thanh toán trực tiếp cho ông H1. Sau khi ông V đã chuyển khoản và thanh toán đủ tiền mua heo giống cho ông H1 832.346.000 đồng, thì đến ngày 24/10/2024 ông H1 đã bàn giao đủ 320 con heo giống cho ông V nuôi.

Tuy nhiên, sau khi ông V nhận heo về nuôi được 1 đến 2 ngày thì ông V phát hiện ra đàn heo bỏ ăn, nên ông V đã ngay lập tức thông báo cho ông H1 biết về việc đàn heo bỏ ăn, ông H1 đã đến trang trại của ông V để kiểm tra thực tế, sau đó ông H1 trực tiếp lấy mẫu đưa đi xét nghiệm và ông H1 thông báo cho ông V biết là toàn bộ đàn heo giống mà ông V mua của ông H1 đã bị mắc dịch bệnh tai xanh. Nên ngày 29/10/2024 ông H1 đến trang trại của ông V để yêu cầu thu hồi lại toàn bộ 320 con heo giống nêu trên để ông H1 chở đi xử lý, tiêu huỷ và ông H1 trả lại cho ông V trước số tiền là 50.000.000 đồng.

Đến ngày 16/12/2024, ông V xét thấy việc heo con bị bệnh là rủi ro nên bớt cho ông H1 20.000.000đ và thống nhất giữa hai bên nên ông H1 ký “Giấy xác nhận” về việc đàn heo giống 320 con mà ông V mua của ông H1 đã bị “mắc bệnh tai xanh” nên ông H1 đã thu hồi toàn bộ số heo trên và cam kết hoàn trả lại cho ông V toàn bộ số tiền mà ông V đã thanh toán cho ông H1 là 812.346.000 đồng (lấy số chẵn là 812.000.000 đồng), ông H1 đã thanh toán trước đó cho ông V số tiền 50.000.000 đồng, số tiền còn lại 762.000.000 đồng, ông H1 hẹn đến hết tháng 12/2024 dương lịch (tức 31/12/2024) sẽ thanh toán hết cho ông V.

Tuy nhiên đến nay đã quá thời hạn mà ông H1 cam kết trả lại toàn bộ số tiền trên cho ông V, nhưng ông H1 vẫn không chịu thực hiện. Mặc dù ông V đã nhiều lần yêu cầu ông H1 trả tiền, nhưng ông H1 cứ khất lần và tìm cách trốn tránh không trả tiền cho ông V.

Vì vậy ông V yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn H1 và bà Chu Thị L có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông V toàn bộ số tiền còn lại là 762.000.000 đồng (B

trăm sáu mươi hai triệu đồng) theo như ông H1 đã cam kết trong nội dung “ Giấy xác nhận” lập ngày 16/12/2024.

*** Theo bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Văn H1 trình bày:**

Ngày 01/10/2024 tôi là người bán cám cho ông Đào Văn V, ông V có nhờ tôi hỗ trợ, giới thiệu nguồn heo con để ông V bắt về nuôi. Tại thời điểm đó tôi được biết bà Chu Thị L có heo con bán và tôi đã giới thiệu cho ông V. Bà L có gửi video cho ông V xem, ông V đồng ý bắt heo con chỗ bà L và bà L có đề nghị chuyển 30.000.000đ tiền cọc nên tôi đã báo lại với ông V. Ông V có chuyển cho tôi 20.000.000đ và mượn tôi 10.000.000đ cho đủ 30.000.000đ để chuyển cho bà L. Bà L và ông V đã xác nhận vào ngày 24/10/2024 giao heo con chờ cho ông V. Tôi chỉ là người giới thiệu cho ông V và bà L giao dịch, mua bán với nhau, còn quá trình xuất heo với số tiền như trên thì ông V tự chuyển cho bà L và nhận đủ số lượng heo. Quá trình xảy ra vụ việc tôi có trao đổi với Công ty về việc ông V bắt heo nhưng bị bệnh, tôi có xin về phía Công ty đưa ra giải pháp hỗ trợ ông V bằng cách hỗ trợ qua hình thức là chiết khấu cám. Đã hỗ trợ cho ông V 30.000.000đ. Do ông V nhiều lần đòi tiền bà L không được nên năn nỉ tôi và tôi có ghi thêm dòng chữ bên cạnh (Trách nhiệm của H1 phải hỗ trợ anh chị thu hồi), bởi vậy tôi mới ký giấy xác nhận ngày 16/12/2024. Còn khoản tiền 15.000.000đ, ông V chuyển tiền cho tôi là tôi thu hộ ông V để chuyển tiền cước xe vận chuyển chở heo từ Đồng Nai về với số tiền cước xe là 15.000.000đ. Tôi không nhận tiền, không liên quan đến việc mua bán heo, nên tôi không đồng ý với yêu cầu của ông V, ông V phải kiện bà L. Ông V và bà L đứng ra mua bán heo với nhau, tôi chỉ là người giới thiệu. Ông V lợi dụng tôi không hiểu biết pháp luật nên viết giấy xác nhận với nội dung như vậy rồi khởi kiện tôi. Mặt khác, hai bên mua bán thỏa thuận như thế nào, có xảy ra sự cố ra sao tôi không hề hay biết. Tôi thấy ông V là khách hàng nên mới xin Công ty hỗ trợ ông V cũng như nói giúp bà L trả tiền cho ông V. Tôi không nhận bất cứ lợi ích nào, tôi cũng không đứng ra trả tiền thay cho bà L. Do đó việc khởi kiện của ông V là không có căn cứ.

*** Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Chu Thị L trình bày:**

Tháng 10/2024, ông H1 có tìm đến nhà tôi đề nhờ tôi giới thiệu mua heo con cho khách hàng của ông H1 là ông Đào Văn V. Vì tôi được biết ông Nguyễn Hoàng Chi T (không rõ địa chỉ cư trú cụ thể, chỉ biết trên căn cước ghi địa chỉ là Thị trấn M, huyện M, Quảng Ngãi) có nguồn heo con bán nên tôi đã giới thiệu cho ông H1. Tại thời điểm tháng 10/2024 thì bố mẹ tôi cũng có bắt heo con của ông T là 100 con. Sau thời gian giới thiệu ông T cho ông H1 thì tôi chỉ biết ông V là khách hàng của ông H1 và ông H1 có nhu cầu bắt heo con về cho ông V. Ngày 24/10/2024, tôi được biết ông T trực tiếp giao heo con cho ông V tại huyện M. Ông V đã trực tiếp kiểm

tra và đồng ý nhận heo. Tại thời điểm hai bên nhận heo thì tôi không có mặt và từ đầu đến cuối tôi không gặp mặt ông V mà chỉ trao đổi qua ông H1. Việc nhận tiền từ ông V là do ông H1 yêu cầu và đưa số tài khoản của tôi cho ông V để ông V chuyển tiền vào tôi ngày 23/10/2024 là 02 lần (lần 1 là 766.346.000đ và lần 2 là 31.000.000đ). Vào ngày 24/10/2024, tôi chuyển lại cho ông T sau khi thống nhất là ông V đã kiểm tra và nhận đủ heo nên tôi đã chuyển cho ông T 724.000.000đ. Giá cả mua bán heo thì ông H1 là người trực tiếp trao đổi cùng với ông V. Trong tổng số tiền tôi nhận từ ông V là 797.346.000đ thì tôi đã chuyển cho ông T 724.000.000đ và chuyển khoản cho ông H1 20.000.000đ để ông H1 thanh toán chi phí vận chuyển. Số tiền còn lại 53.346.000đ là tiền hoa hồng bên bán là ông T chi trả cho tôi, không chia lại cho ông H1. Việc ông V thanh toán cho ông H1 15.000.000đ là tiền gì tôi không biết. Ông V cho rằng đàn heo nhà ông bị tai xanh và thu hồi thì tôi cũng không biết. Việc ông H1 trả cho ông V 50.000.000đ tôi cũng không biết. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông V thì tôi nhận thấy sự việc này tôi không liên quan, vì tôi chỉ giới thiệu mua bán heo, còn việc heo bị bệnh và bồi thường như thế nào tôi không biết. Hiện nay tôi không liên lạc được với ông T, không biết ông T đang ở đâu. Quá trình giao nhận heo cũng do ông V trực tiếp nhận và xem xét con giống, thỏa thuận mua bán do hai bên tự thỏa thuận.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2025/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đắk Lắk đã quyết định:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 203; Điều 227, 233, 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Áp dụng các 430, 431, 432. 445 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn V.

Buộc ông Nguyễn Văn H1 có trách nhiệm trả cho ông Đào Văn V số tiền 762.000.000 đồng (bảy trăm sáu mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn H1 còn phải trả cho ông Đào Văn V khoản tiền lãi chậm trả đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn V về yêu cầu buộc bà Chu Thị L phải liên đới cùng với ông H1 trả tiền trên cho ông V.

[2] Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn H1 phải chịu 34.480.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông Đào Văn V 17.240.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0001220 ngày 13/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Đắk Lắk).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

*** Sau khi xét xử sơ thẩm:**

- Ngày 09/10/2025, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn làm đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét tuyên buộc bà Chu Thị L phải có nghĩa vụ liên đới cùng với ông Nguyễn Văn H1 trả cho ông Đào Văn V số tiền 762.000.000 đồng và tiền lãi trong giai đoạn thi hành án theo quy định tại Điều 288 Bộ luật dân sự 2015.

- Ngày 03/11/2025 (tại phiên tòa sơ thẩm ông H1 vắng mặt và nhận Bản án sơ thẩm vào ngày 19/10/2025), bị đơn ông Nguyễn Văn H1 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Trọng H giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện, đơn kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ đơn kháng cáo của nguyên đơn, sửa Bản án dân sự sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn H1 vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa cũng như đương sự là phía nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, về yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Trọng H đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo và đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H1, đây là phiên tòa phúc thẩm lần thứ hai vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ nên ông H1 bị coi như từ bỏ việc kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với đơn kháng cáo của ông H1. Đồng thời, giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2025/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các đương sự được thực hiện trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định nên vụ án được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H1:

Đối với đơn kháng cáo của ông H1, đây là phiên tòa phúc thẩm lần thứ hai vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nên ông H1 bị coi như từ bỏ việc kháng cáo, đình chỉ xét xử phúc thẩm theo khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, thấy rằng:

Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn ông Nguyễn Văn H1 là người trực tiếp trao đổi, thỏa thuận với nguyên đơn ông Đào Văn V về việc mua bán 320 con heo giống; đồng thời là người cung cấp số tài khoản đứng tên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Chu Thị L để ông V thực hiện việc chuyển tiền thanh toán. Thực tế, ông V đã chuyển tổng số tiền 797.346.000 đồng vào tài khoản của bà L theo yêu cầu của ông H1, ngoài ra còn giao trực tiếp cho ông H1 các khoản tiền liên quan đến giao dịch. Sau khi nhận đủ tiền, bị đơn ông H1 là người trực tiếp tham gia việc giao nhận 320 con heo giống cho ông V và xử lý hậu quả khi phát sinh sự cố đối với đàn heo này.

Mặt khác, đối với “Giấy xác nhận” được xác lập vào ngày 16/12/2024 giữa ông V và ông H1 có nội dung thể hiện là ông H1 xác nhận việc đã giao 320 con heo giống cho ông V và có xác nhận tình trạng heo bị bệnh, đã thu hồi toàn bộ số heo và cam kết hoàn trả số tiền còn lại 762.000.000 đồng. Đồng thời, ông H1 cũng thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy xác nhận là của mình. Như vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và có giá trị xác định nghĩa vụ của bị đơn đối với nguyên đơn.

Mặc dù ông H1 cho rằng ông chỉ là người trung gian giới thiệu việc mua bán giữa ông V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Chu Thị L, ông không trực tiếp tham gia giao dịch và không có nghĩa vụ thanh toán. Tuy nhiên, ông H1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ hợp pháp để chứng minh cho lời trình bày này. Ngược lại, các tình tiết khách quan của vụ án cho thấy: ông H1 là người kết nối, thỏa thuận giá cả, hướng dẫn phương thức thanh toán, trực tiếp tham gia quá trình giao nhận tài sản, đồng thời là người đứng ra giải quyết khi phát sinh sự cố và tự

mình cam kết nghĩa vụ hoàn trả tiền. Ông H1 cho rằng việc thỏa thuận và cam kết thanh toán số tiền còn lại cho ông V 762.000.000 đồng là do không hiểu biết pháp luật và để Công ty hỗ trợ cho khách hàng thường xuyên mua cám heo cũng như để bà L trả tiền cho ông V là không có cơ sở.

Ngoài ra việc bị đơn trực tiếp thu hồi toàn bộ số heo, thanh toán trước một phần tiền cho nguyên đơn và xác lập văn bản cam kết trả nợ đã thể hiện rõ ý chí tự nguyện nhận trách nhiệm dân sự đối với toàn bộ giao dịch. Nội dung cam kết không bị ép buộc, lừa dối hoặc nhầm lẫn theo quy định của pháp luật dân sự. Do đó, có đủ căn cứ xác định bị đơn là bên có nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận đã được xác lập giữa các bên.

Xét yêu cầu của nguyên đơn là buộc bà Chu Thị L phải có nghĩa vụ liên đới cùng với ông Nguyễn Văn H1 trả cho ông Đào Văn V số tiền 762.000.000 đồng, thì thấy: Tài liệu, chứng cứ thể hiện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Chu Thị L có nhận tiền chuyển khoản từ nguyên đơn là ông V theo yêu cầu của bị đơn ông H1. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án không có căn cứ xác định bà L là người trực tiếp xác lập giao dịch mua bán 320 con heo giống với ông V hoặc tham gia cam kết hoàn trả tiền. Trong “Giấy xác nhận” lập ngày 16/12/2024 chỉ do ông H1 ký, không có sự tham gia, xác nhận của bà Chu Thị L.

Việc nhận tiền thông qua tài khoản theo yêu cầu của ông H1 được xác định chỉ là phương thức thanh toán trong giao dịch giữa ông V và ông H1, không làm phát sinh nghĩa vụ liên đới khi không có thỏa thuận hoặc căn cứ pháp luật khác. Mặt khác, liên quan đến giao dịch này, theo lời trình bày của bà L thì bà L có giới thiệu ông H1 với ông Nguyễn Hoàng Chi T (không rõ địa chỉ cụ thể) tại thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi là người đã cung cấp nguồn heo giống cho ông H1 và ông H1 là người trực tiếp giao dịch với ông T. Bà L có thừa nhận là bà đã nhận tiền chuyển khoản từ ông V là 766.346.000 đồng theo yêu cầu của ông H1, sau đó bà chuyển lại cho ông T 724.000.000 đồng và chuyển cho ông H1 20.000.000 đồng là tiền chi phí vận chuyển. Tuy nhiên, bà L cho rằng việc thỏa thuận giá cả và bàn giao 320 con heo giống cho ông V là do ông T và ông H1, còn bà L không tham gia. Sau khi giao dịch xong thì bà L có nhận tiền hoa hồng từ ông T để lại là 53.346.000 đồng. Như vậy, thấy rằng việc mua bán đàn heo này là do bà L giới thiệu ông H1 trực tiếp liên hệ và giao dịch với ông T, việc giao nhận đàn heo cho ông V là do ông T và ông H1 thực hiện và bà L không tham gia.

Do đó, yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn về việc buộc bà L liên đới trách nhiệm có nghĩa vụ cùng với ông H1 phải trả cho ông V 762.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với đơn kháng cáo của bị đơn nên nguyên đơn ông Đào Văn V, bị đơn ông Nguyễn Văn H1 phải chịu án phí theo quy định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Trọng H;

- Giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2025/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đắk Lắk.

- Áp dụng các Điều 430, 431, 432, 445 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]. Tuyên xử:

[2.1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Đào Văn V.

Buộc ông Nguyễn Văn H1 có trách nhiệm trả cho ông Đào Văn V số tiền 762.000.000 đồng (bảy trăm sáu mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn H1 còn phải trả cho ông Đào Văn V khoản tiền lãi chậm trả đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

[2.2]. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn V về yêu cầu buộc bà Chu Thị L phải liên đới cùng với ông H1 trả tiền trên cho ông V.

[2.3]. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H1.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Đào Văn V, bị đơn ông Nguyễn Văn H1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0004180 ngày 10/11/2025 (ông V) và biên lai thu số

0004576 ngày 17/11/2025 (ông H1) tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Đắk Lắk.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Khu vực 7;
- Phòng THADS Khu vực 7;
- Công TTĐT Tòa án;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Y Phi Kbuôr